



VN-PCRVN1219

BẢO HÀNH

Daikin cam kết bảo hành cho toàn bộ sản phẩm trong catalog này 01 năm cho thiết bị nói chung và 04 năm cho máy nén. Phạm vi bảo hành trên toàn lãnh thổ Việt Nam.



MÔI TRƯỜNG

Tập đoàn Daikin đã được cấp chứng nhận Quốc tế về Môi trường ISO 14001 cho các thiết bị, sản phẩm Daikin có trong catalog này. ISO 14001 là tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý môi trường, cho phép tổ chức thiết lập mục tiêu và chính sách, đưa ra các yêu cầu mang tính pháp chế và thông tin về những yếu tố quan trọng liên quan đến môi trường. Quy định này áp dụng cho những yếu tố môi trường trong phạm vi tổ chức và có sức ảnh hưởng với bên ngoài.



CHẤT LƯỢNG

Tập đoàn Daikin là Nhà sản xuất máy ĐHKK đầu tiên ở Nhật được cấp chứng nhận quốc tế ISO 9001 về Quản lý chất lượng. Tất cả các thiết bị Daikin đều được cấp chứng nhận của hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001. Các chứng nhận ISO 9000 được trao cho các nhà cung cấp đáp ứng đủ yêu cầu của các tiêu chuẩn ISO. ISO 9001 là chứng nhận về sự đảm bảo chất lượng của sản phẩm được sản xuất tại nhà máy, liên quan đến các yếu tố như mẫu mã, nghiên cứu và cải tiến, sản xuất, lắp đặt và dịch vụ có liên quan.



JMI-0107



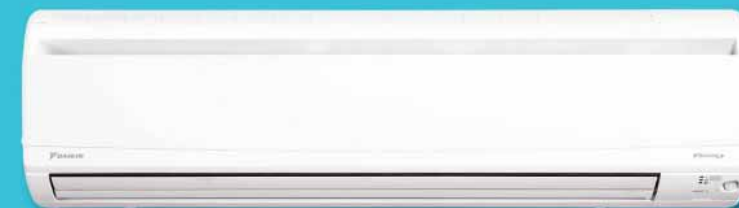
JQA-145



MÁY ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ DÂN DỤNG

Điều Khiển Biến Tần DC Mạnh Mẽ
Một Chiều Lạnh & Hai Chiều Lạnh/Sưởi [50Hz]

R-410A R-22



Đó Chính Là Sự Khác Biệt Của Daikin

Đại lý phân phối

DAIKIN INDUSTRIES, LTD.

• **HEAD OFFICE**
Umeda Center Bldg., 2-4-12, Nakazaki-Nishi, Kita-ku, Osaka, 530-8323 Japan
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT KIM
• **VĂN PHÒNG CHÍNH**
Tầng 14-15, tòa nhà Nam Á, 201-203 Cách Mạng Tháng 8, P.4, Q.3, TP.HCM
Tel: (08) 62 504 888 Fax: (08) 62 504 999
• **CHI NHÁNH HÀ NỘI**
Tầng 12, tòa nhà Ocean Park Tower, 1 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội
Tel: (04) 35 657 677 Fax: (04) 35 657 688
• **CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**
177 Phan Chu Trinh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Tel: (0511) 356 1543 Fax: (0511) 356 1526
www.daikin.com.vn

© All rights reserved
Printed in Vietnam 11/12/001 VK





Giảm Điện Năng, Tăng Sảng Khoái

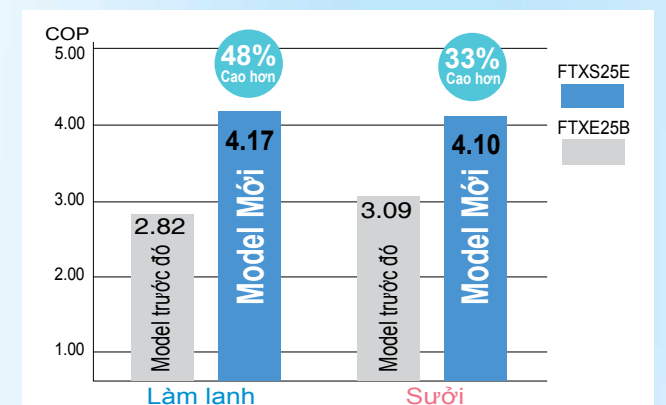
Nếu bạn đang băn khoăn không biết nên chọn máy ĐHKK tiết kiệm điện hay máy có nhiều chức năng tiện nghi, hãy thử máy Biến Tần DC. Nhờ vào dãy công suất hoạt động phong phú, tăng mức độ thoải mái đồng thời giảm tiêu hao điện năng. Tận hưởng nhiều hơn với điện năng thấp hơn.



Tiết Kiệm Năng Lượng

Sản phẩm biến tần DC với đặc điểm nổi bật là động cơ DC tự trở cho máy nén và động cơ quạt DC. Công nghệ cao về tiết kiệm năng lượng này được DaiKin áp dụng vào máy nén swing và điều khiển PAM tiên tiến.

Máy FTXS25E có COP 4.17, cao hơn 48% so với model trước đó. Đây là kết quả của việc phát triển máy tự động biến tần AC thông thường lên thành công nghệ biến tần DC tiên tiến.



Mục lục	
2	Tiết kiệm điện năng
3	Dãy sản phẩm
5	Công nghệ Inverter
7	Các đặc tính nổi bật
9	Lưu lượng gió
11	Làm sạch
13	Độ bền
15	Điều khiển
17	Tóm tắt các tính năng
19	Bảng chức năng
21	Thông số kỹ thuật
25	Phụ kiện tùy chọn

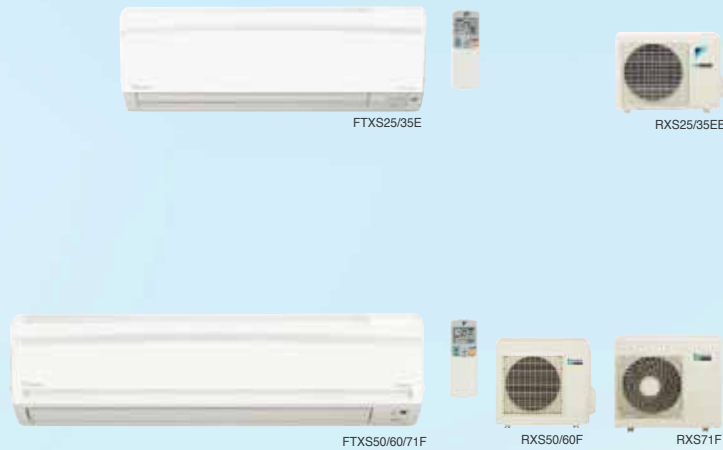
Máy Điều Hòa Không Khí Biến Tần Với 21 model Một Chiều Và Hai Chiều.

R-410A Máy 01 chiều lạnh FTKS



Model	FTKS25EVMV / RKS25EBVMV		
Công suất lạnh	kW	2.5 (1.2-3.0)	
	Btu/h	8,500 (4,100-10,200)	
Model	FTKS35EVMV / RKS35EBVMV		
Công suất lạnh	kW	3.5 (1.2-3.8)	
	Btu/h	11,900 (4,100-12,950)	
Model	FTKS50FVMV / RKS50FVMV		
Công suất lạnh	kW	5.0 (1.7-6.0)	
	Btu/h	17,100 (5,800-20,500)	
Model	FTKS60FVMV / RKS60FVMV		
Công suất lạnh	kW	6.0 (1.7-6.7)	
	Btu/h	20,500 (5,800-22,900)	
Model	FTKS71FVMV / RKS71FVMV		
Công suất lạnh	kW	7.1 (2.3-8.5)	
	Btu/h	24,200 (7,800-29,000)	

R-410A Máy 02 chiều lạnh/sưởi FTXS



Model	FTXS25EVMV / RXS25EBVMV		
Công suất lạnh	kW	2.5 (1.2-3.0)	
	Btu/h	8,500 (4,100-10,200)	
Công suất sưởi	kW	3.4 (1.2-4.5)	
	Btu/h	11,600 (4,100-15,350)	
Model	FTXS35EVMV / RXS35EBVMV		
Công suất lạnh	kW	3.5 (1.2-3.8)	
	Btu/h	11,900 (4,100-12,950)	
Công suất sưởi	kW	4.0 (1.2-5.0)	
	Btu/h	13,600 (4,100-17,050)	
Model	FTXS50FVMV / RXS50FVMV		
Công suất lạnh	kW	5.0 (1.7-6.0)	
	Btu/h	17,100 (5,800-20,500)	
Công suất sưởi	kW	5.8 (1.7-7.7)	
	Btu/h	19,800 (5,800-26,300)	
Model	FTXS60FVMV / RXS60FVMV		
Công suất lạnh	kW	6.0 (1.7-6.7)	
	Btu/h	20,500 (5,800-22,900)	
Công suất sưởi	kW	7.0 (1.7-8.0)	
	Btu/h	23,900 (5,800-27,300)	
Model	FTXS71FVMV / RXS71FVMV		
Công suất lạnh	kW	7.1 (2.3-8.5)	
	Btu/h	24,200 (7,800-29,000)	
Công suất sưởi	kW	8.2 (2.3-10.0)	
	Btu/h	28,000 (7,900-34,100)	

		Mã hiệu	Công suất					
			25	35	42	50	60	71
R-410A	Một chiều lạnh	FTKS						
R-410A	Hai chiều lạnh/sưởi	FTXS						

R-22 Máy 01 chiều lạnh FTKD



Model	FTKD25GVMV / RKD25GVMV		
Công suất lạnh	kW	2.5 (1.2-3.2)	
	Btu/h	8,500 (4,050-10,900)	
Model	FTKD35GVMV / RKD35GVMV		
Công suất lạnh	kW	3.2 (1.4-4.0)	
	Btu/h	10,900 (4,750-13,650)	
Model	FTKD42GVMV / RKD42GVMV		
Công suất lạnh	kW	4.2 (2.0-5.0)	
	Btu/h	14,300 (6,800-17,100)	
Model	FTKD50GVMV / RKD50GVMV		
Công suất lạnh	kW	5.2 (1.5-5.9)	
	Btu/h	17,700 (5,100-20,100)	
Model	FTKD60GVMV / RKD60GVMV		
Công suất lạnh	kW	6.2 (1.5-6.5)	
	Btu/h	21,200 (5,100-22,200)	
Model	FTKD71GVMV / RKD71GVMV		
Công suất lạnh	kW	7.1 (2.1-7.6)	
	Btu/h	24,200 (7,200-25,900)	

R-22 Máy 02 chiều lạnh/sưởi FTXD



Model	FTXD25DVMV / RXD25DVMV		
Công suất lạnh	kW	2.5 (1.3-3.0)	
	Btu/h	8,500 (4,400-10,200)	
Công suất sưởi	kW	3.4 (1.3-4.0)	
	Btu/h	11,600 (4,400-13,650)	
Model	FTXD35DVMV / RXD35DVMV		
Công suất lạnh	kW	3.5 (1.4-3.8)	
	Btu/h	11,900 (4,750-12,950)	
Công suất sưởi	kW	4.2 (1.4-5.0)	
	Btu/h	14,300 (4,750-17,050)	
Model	FTXD50FVMV / RXD50BVMV		
Công suất lạnh	kW	5.2 (1.5-5.9)	
	Btu/h	17,700 (5,100-20,100)	
Công suất sưởi	kW	6.5 (1.5-8.0)	
	Btu/h	22,200 (5,100-27,300)	
Model	FTXD60FVMV / RXD60BVMV		
Công suất lạnh	kW	6.2 (2.2-7.6)	
	Btu/h	21,200 (7,500-25,900)	
Công suất sưởi	kW	7.2 (2.2-9.0)	
	Btu/h	24,600 (7,500-30,700)	
Model	FTXD71FVMV / RXD71BVMV		
Công suất lạnh	kW	7.1 (2.9-8.0)	
	Btu/h	24,200 (9,900-27,300)	
Công suất sưởi	kW	8.5 (2.9-9.7)	
	Btu/h	29,000 (9,900-33,100)	

		Mã hiệu	Công suất					
			25	35	42	50	60	71
R-22	Một chiều lạnh	FTKD						
R-22	Hai chiều lạnh/sưởi	FTXD						

Tiết Kiệm Năng Lượng Với Điều Khiển Biến Tần DC Mạnh Mẽ



Tính Ưu Việt Của Máy Inverter So Với Máy Không Inverter

Các Tính Năng Của Công Nghệ Inverter

Inverter là công cụ biến đổi tần số. Công nghệ này được áp dụng cho các thiết bị gia đình, điều khiển điện áp, cường độ và tần số điện. Máy ĐHKK Inverter có thể thay đổi công suất lạnh bằng cách điều chỉnh tần số cấp nguồn của máy nén. Trong khi đó, máy ĐHKK loại thường có công suất lạnh cố định và chỉ có thể điều khiển nhiệt độ trong nhà bằng cách chạy hay dừng máy nén. Kết quả là, điều hòa không khí Inverter tiết kiệm năng lượng và thoải mái hơn so với các máy điều hòa không khí không Inverter.

Làm Lạnh Nhanh

Máy ĐHKK Inverter đạt đến công suất cực đại ngay khi khởi động làm cho nhiệt độ phòng lạnh lên rất nhanh.

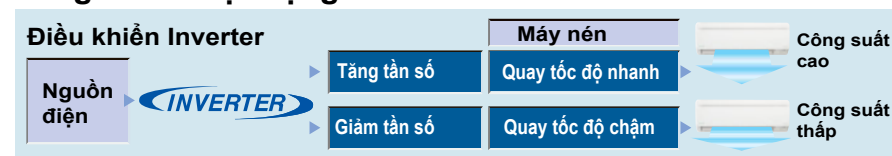
Tiết Kiệm Năng Lượng

Sau khi nhiệt độ phòng đạt đến nhiệt độ cài đặt, bộ điều khiển biến tần sẽ điều chỉnh công suất vận hành ở chế độ thấp với điện năng tối thiểu để duy trì nhiệt độ này. Việc này cho thấy máy Inverter tiết kiệm điện hơn máy không Inverter vì máy không Inverter phải chạy hay dừng máy nén nhiều lần để duy trì nhiệt độ phòng, sẽ tiêu tốn năng lượng hơn.

Dễ Chịu

Máy ĐHKK Inverter điều chỉnh công suất dựa theo sự thay đổi nhu cầu về tải lạnh, và chênh lệch giữa nhiệt độ phòng và nhiệt độ cài đặt nhỏ, nên chúng ta cảm thấy thoải mái hơn so với khi sử dụng máy không inverter.

Công Suất Hoạt Động Biến Thiên

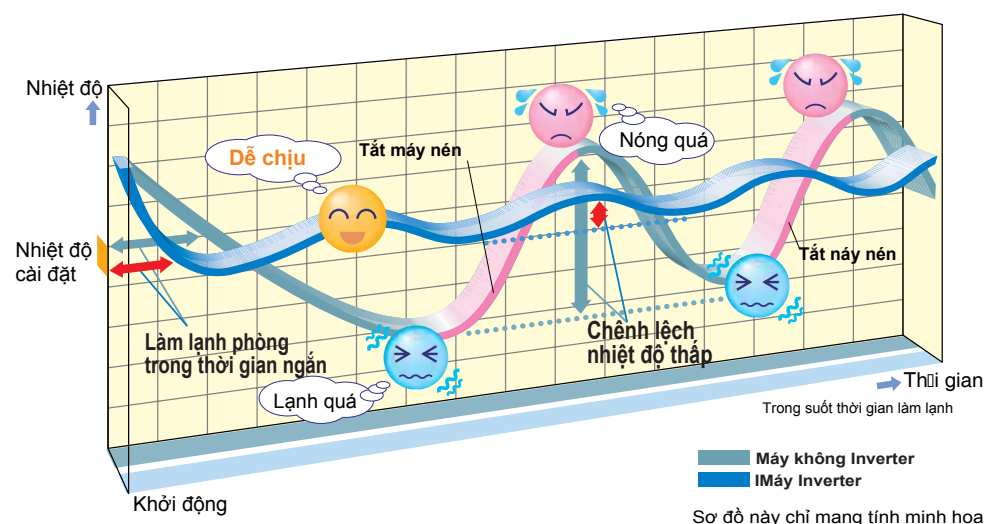


Máy ĐHKK không Inverter



Máy ĐHKK Inverter có thể thay đổi công suất hoạt động tùy theo nhu cầu để tiết kiệm năng lượng. Máy không Inverter chỉ hoạt động ở công suất cố định.

Điều Khiển Nhiệt Độ Dễ Chịu



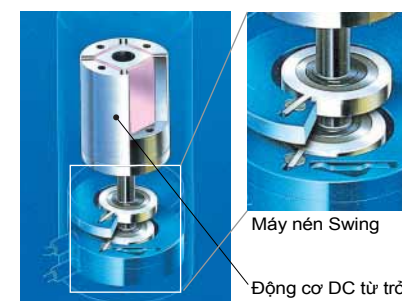
Sơ đồ này chỉ mang tính minh họa.

DC Inverter Là Gì?

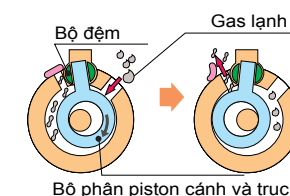
Daikin gọi các sản phẩm Inverter là những sản phẩm được trang bị động cơ DC Inverter. Động cơ DC thường cho hiệu quả vận hành cao hơn động cơ AC. Động cơ DC sử dụng lực của nam châm để hút và đẩy làm cho động cơ quay. Động cơ DC có trang bị nam châm neodym mạnh mẽ hơn, tạo ra hiệu suất lớn hơn, và được gọi là động cơ DC từ trở.

Công Nghệ Tiết Kiệm Năng Lượng Hàng Đầu

Máy Nén Swing



Máy nén swing chuyển động nhẹ nhàng làm giảm ma sát và hạn chế rò rỉ ga trong suốt quá trình nén. Đặc tính ưu việt này giúp máy hoạt động êm hơn và đạt hiệu suất cao hơn.



Máy nén swing có thể giảm thiểu rung động và độ ồn nhờ piston chuyển động một cách êm ái.

Động Cơ Máy Nén Dc Từ Trở

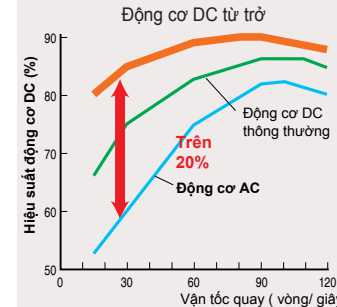


* Nam châm neodym (khu vực màu hồng) mạnh hơn gấp 10 lần so với nam châm ferrite thông thường

Các sản phẩm DC Inverter của Daikin đều được trang bị động cơ máy nén DC từ trở. Động cơ này sử dụng hai loại moment xoắn khác nhau là nam châm*¹ neodym và moment*² từ trở. Động cơ loại này giúp tiết kiệm năng lượng hơn do sinh công lớn hơn mà tiêu thụ điện ít hơn loại AC hoặc DC thông thường. Đặc biệt hiệu quả khi hoạt động ở tần số thấp, là khoảng hoạt động thường gặp ở máy lạnh*³, nâng hiệu suất lên đến xấp xỉ 20%.

- *1. Nam châm neodym mạnh hơn xấp xỉ 10 lần so với nam châm ferit tiêu chuẩn.
- *2. Mô men quay được sinh ra do sự thay đổi mức năng lượng giữa các bộ phận nam châm và sắt.
- *3. Dãy tần số được áp dụng trong suốt thời gian hoạt động ổn định của máy điều hòa không khí. Đây là phạm vi hoạt động trong thời gian dài nhất của máy.

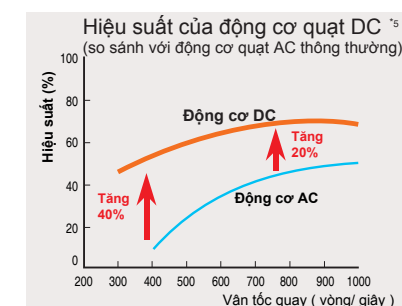
Hiệu suất của Động cơ DC từ trở*⁴



*4. Ghi chú: Các thông số trên dựa trên những nghiên cứu được thực hiện tại phòng thí nghiệm của Daikin.

Động Cơ Quạt DC

Động cơ DC điều khiển vòng quay mịn hơn, làm giảm thiểu sự tiêu thụ điện năng. Động cơ cũng được cải tiến để tăng hiệu suất lên 40% so với động cơ AC. Những cải tiến này đặc biệt hiệu quả ở tốc độ thấp.



*5. Ghi chú: Các thông số trên dựa trên những nghiên cứu được thực hiện tại phòng thí nghiệm của Daikin.

Điều Khiển PAM



Điều khiển PAM (Pulse Amplitude Modulation) làm giảm thất thoát năng lượng bằng cách điều khiển số lần đóng/ngắt của bộ chuyển mạch.

Hoạt Động Hiệu Quả, Giảm Thất Thoát Năng Lượng



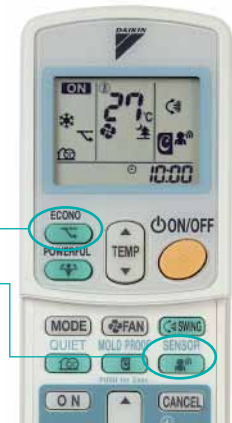
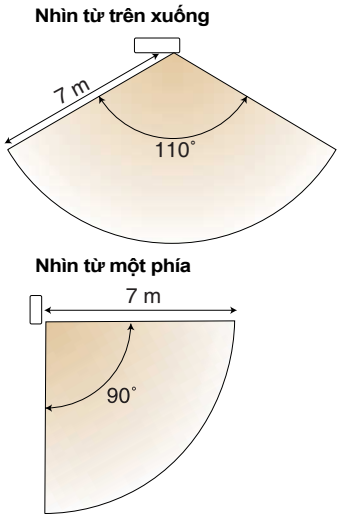
Mắt Thần Thông Minh

Mắt thần thông minh giúp ngăn ngừa lãng phí điện năng bằng cảm biến hồng ngoại để dò tìm sự chuyển động trong phòng. Khi không có người, Mắt Thần Thông Minh sẽ tự động tăng nhiệt độ lên 2°C để tiết kiệm năng lượng. Trong trường hợp chúng ta ra ngoài mà quên tắt máy thì chức năng này làm giảm lãng phí điện năng hiệu quả nhất. Để dùng chức năng này bằng thiết bị điều khiển từ xa.

Khi chức năng Mắt Thần Thông Minh này được cài đặt, nó tiếp tục hoạt động cho các lần sau để tiết kiệm năng lượng. Bạn không cần phải nhấn nút SENSOR mỗi khi muốn sử dụng chức năng này.



Đèn hiển thị Mắt thần khi dò tìm chuyển động. Bộ cảm biến mắt thần thông minh.



Nút nhấn chế độ tiết kiệm Econo
Nút nhấn kích hoạt chế độ mắt thần thông minh



Khi không có người trong phòng, máy lạnh sẽ hoạt động theo nhiệt độ cài đặt.



Khi Mắt thần dò tìm không có người chuyển động trong 20 phút, nó sẽ tự động tăng nhiệt độ lên 2°C.



Khi có người vào lại phòng, máy sẽ tự động trở lại nhiệt độ đã cài đặt.

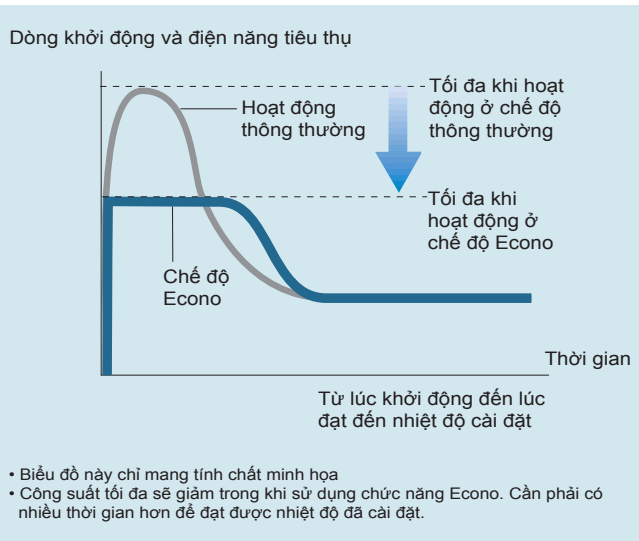


Chức Năng Econo

Chức năng này hạn chế dòng khởi động và điện năng tiêu thụ hoạt động ở mức tối đa. Nó sẽ đặc biệt hiệu quả khi có nhu cầu tải lớn như khi mới khởi động máy, nơi đông người, phòng tiếp xúc nhiều ánh nắng. Chức năng ECONO còn có tác dụng ngăn ngừa CB quá tải tại những thời điểm tải làm lạnh/sưởi lớn tạm thời.

Để kích hoạt chức năng này từ bộ điều khiển qua việc nhấn nút ECONO.

Chức năng này không có sẵn ở model FTKS50/60/71F, FTXS60/60/71F và FTXD50/60/71F.



Chế Độ Dàn Lạnh Hoạt Động Êm

Chức năng này cho phép có nhiều lựa chọn cài đặt tốc độ quạt như 5 bước, chế độ hoạt động êm hoặc tự động cài đặt. Chế Độ Hoạt Động Êm sẽ chọn chế độ Dàn Lạnh Hoạt Động Êm, làm giảm độ ồn thấp hơn 3 dB (A) so với cài đặt ở chế độ thấp. Việc chọn lựa nhiều chế độ cài đặt cho phép chúng ta điều khiển chính xác tốc độ quạt tùy theo nhu cầu. Chẳng hạn chế độ Dàn Lạnh Hoạt Động Êm cho giấc ngủ ngon hơn vì máy hoạt động cực êm. Độ ồn của máy FTKS25E là 22 dB (A).

FTKS25E

Tốc độ quạt	Độ ồn
Cao (H)	37 dB (A)
Thấp (L)	25 dB (A)
🌳 Cực êm (SL)	22 dB (A)

3 dB(A)



Biểu tượng Dàn Lạnh Hoạt Động Êm

Chọn tốc độ quạt Và Dàn Lạnh Hoạt Động Êm

Chế độ Dàn Nóng Hoạt Động Êm



	Auto	SL	L	M	H
Tốc độ quạt	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp	Thấp
Độ ồn	Mỗi cấp điều chỉnh giảm lưu lượng gió sẽ hạ thấp độ ồn				



Chế Độ Dàn Nóng Hoạt Động Êm

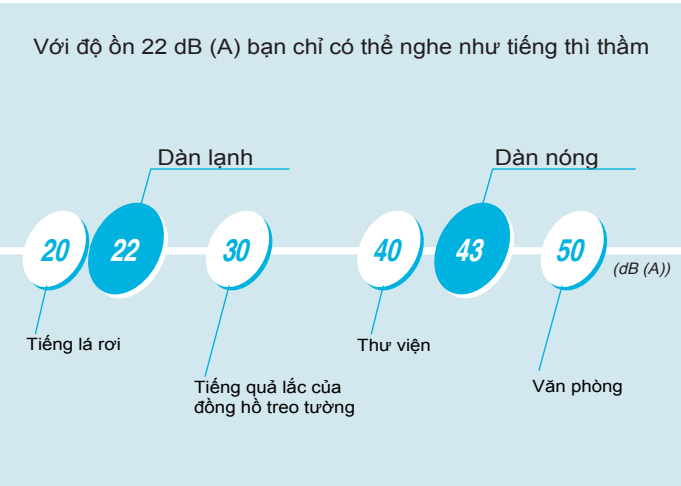
Chức năng này làm giảm từ 3 đến 5 dB (A) so với hoạt động thông thường. Dàn nóng RK(X)S25EB với độ ồn chỉ 43 dB (A).

Công suất lạnh có thể giảm khi chọn chế độ Dàn Nóng Hoạt Động Êm.

RK(X)S25EB

Hoạt động	Độ ồn
Thông thường (cao)	46 dB (A)
Êm (thấp)	43 dB (A)

3 dB (A)



Cho Cuộc Sống Tiện Nghi Và Thoải Mái



Đào Gió 2 Cánh Mạnh Mẽ



Cánh Hướng Dòng Rộng

Hệ thống Đào gió 2 cánh Mạnh Mẽ và Cánh Hướng Dòng Rộng hoạt động luân phiên giúp phân bố gió đều khắp căn phòng cả phương đứng lẫn phương ngang.

Đào Gió 2 Cánh Mạnh Mẽ



Làm lạnh: Cánh đảo gió dàn trải hơi lạnh đều khắp đến tận cùng các góc của căn phòng.

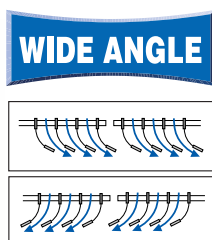


Sưởi: Cánh đảo gió thổi hơi ấm xuống sàn để sưởi nhanh cả không gian.

Cánh Hướng Dòng Rộng



Từ trong góc đến giữa phòng.



Cánh hướng dòng có thể điều chỉnh bằng tay đối với model 2.5 đến 3.5 KW và trên bộ điều khiển từ xa với model 4.2 đến 7.1 KW



Bao phủ khắp không gian rộng.



Đào Gió Tự Động Theo Phương Đứng (lên và xuống)



Đào Gió Tự Động Theo Phương Ngang (trái và phải)



Luồng Khí 3 Chiều

Chức năng Đào Gió Tự Động Theo Phương Đứng tự động di chuyển cánh đảo gió theo chiều lên và xuống. Chức năng Đào Gió Tự Động Theo Phương Ngang tự động di chuyển cánh hướng dòng sang trái và phải. Luồng Khí 3 Chiều kết hợp cả đảo chiều tự động theo phương Đứng và phương Ngang giúp luân chuyển không khí đều khắp đến mọi nơi của căn phòng, ngay cả ở những không gian rộng lớn.

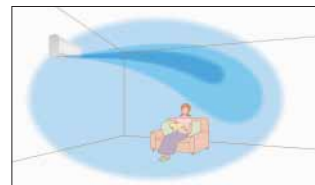
Đào gió tự động theo phương ngang và luồng khí 3 chiều không sẵn có ở các model 2.5 và 3.5kW.



Luồng Gió Sảng Khoái

Chế độ luồng gió sảng khoái với chức năng ngăn chặn luồng gió trực tiếp thổi vào cơ thể bạn. Với chức năng này khi bạn bấm nút COMFORT cánh đảo gió sẽ di chuyển theo hướng lên trên, tránh thổi gió trực tiếp vào người.

Chức năng này sẵn có ở model FTKD42/50/60/71G.



Hoạt Động Biến Tần Mạnh Mẽ

Chức năng Hoạt Động Biến Tần Mạnh Mẽ giúp đạt đến cực đại chế độ lạnh/sưởi trong thời gian 20 phút. Chức năng này tiện lợi khi chúng ta mới mở máy và khi muốn thay đổi nhiệt độ nhanh chóng trong khi máy đang vận hành.



Nút Tắt / Mở Trên Dàn Lạnh

Dễ dàng khởi động máy bằng tay trong trường hợp bộ điều khiển từ xa bị mất hoặc khi bộ điều khiển hết pin.

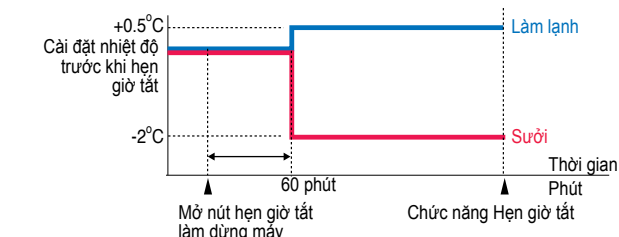


Nút Tắt / Mở trên dàn lạnh



Chế Độ Hoạt Động Vào Ban Đêm

Khi nhấn nút hẹn giờ Tắt sẽ tự động chọn chức năng Cài Đặt Vào Ban Đêm. Chức năng này tránh quá lạnh hoặc quá nóng về đêm. Nhiệt độ phòng sẽ tăng dần 0.5°C ở chế độ làm lạnh và giảm 2°C ở chế độ sưởi sau mỗi 60 phút, giúp chúng ta có giấc ngủ ngon hơn.



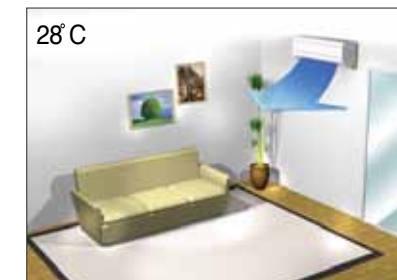
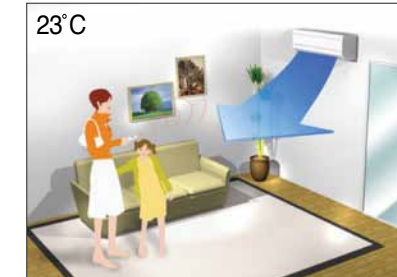
Hoạt Động Khi Vắng Nhà

Chức Năng Hoạt Động Khi Vắng Nhà nhằm hạn chế việc tăng hoặc giảm nhiệt độ phòng bằng cách duy trì hoạt động khi chúng ta ngủ hoặc rời khỏi nhà. Sau khi thức dậy hoặc trở về, nhiệt độ phòng sẽ nhanh chóng trở lại theo chế độ cài đặt ban đầu.

Chức năng này sẵn có ở các model FTKS50/60/71F, FTXS50/60/71F và FTXD50/60/71F.

* Chức năng này được cài đặt ở nhiệt độ từ 18°C đến 32°C cho chế độ làm lạnh và 10 đến 30°C cho chế độ sưởi

Khi vận hành ở chế độ làm lạnh, nhiệt độ phòng cài đặt ở 23°C và 28°C cho chức năng Hoạt Động Khi Vắng Nhà.



Ấn

Khởi động chức năng này bằng cách nhấn nút HOME LEAVE trên bộ điều khiển.

Khi chúng ta ra khỏi nhà, máy điều hòa ngăn việc tăng/giảm nhiệt độ phòng, vẫn duy trì nhiệt độ cài đặt bằng chức năng Hoạt Động Khi Vắng Nhà



Ấn lần nữa

Khi trở về, chỉ cần nhấn nút chức năng này lần nữa để trở về nhiệt độ cài đặt trước đó và đón nhận sự sảng khoái.

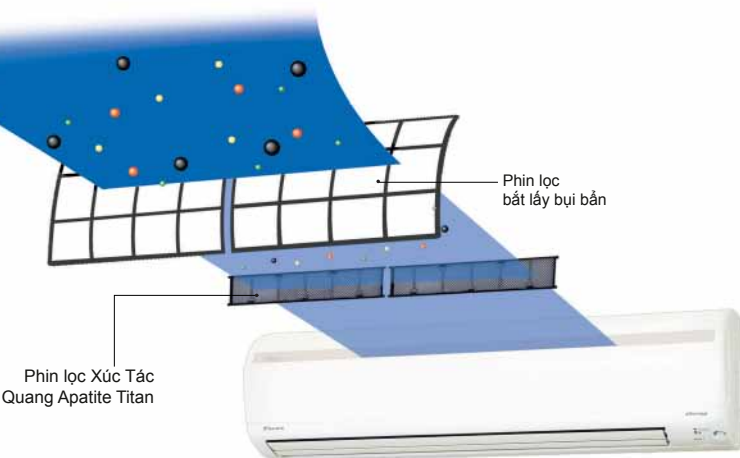
Phin Lọc Khí Xúc Tác Quang

Phin Lọc Xúc Tác Quang Apatit Titan

Apatit titan là vật liệu xúc tác quang mới có khả năng hấp thu mạnh các phân tử bụi cực nhỏ và tiêu diệt vi khuẩn. Chức năng xúc tác quang phát huy tác dụng mạnh mẽ dưới ánh sáng. Phin lọc được sử dụng trong khoảng 3 năm mà không cần thay thế nếu được làm vệ sinh thường xuyên 6 tháng một lần.

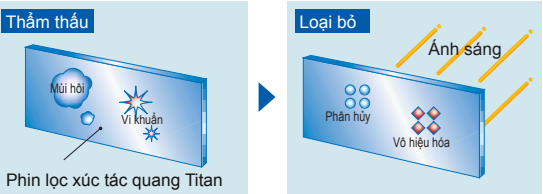


Thử nghiệm khử bỏ vi khuẩn:
Phương pháp thử nghiệm: Phương pháp nhỏ giọt
Tổ chức thử nghiệm: Tổ chức giám định Spinners Nhật Bản
Giấy chứng nhận thử nghiệm: Số 012553-1 và 012553-2



Các phin lọc này không phải là thiết bị y tế. Công dụng hấp thụ và khử bỏ vi khuẩn, virus chỉ có hiệu quả khi bị chặn lại và tiếp xúc trực tiếp với phin lọc sạch Xúc Tác Quang Apatite Titan

Hiệu Quả Lọc Sạch Của Xúc Tác Quang Apatit Titan



Apatite có tác dụng thẩm thấu vi khuẩn, virus. Đồng thời xúc tác quang oxy hóa và phân hủy các mùi hôi.

Phin Lọc Khử Mùi Xúc Tác Quang

Phin Lọc Khử Mùi Xúc Tác Quang có thể phân hủy mùi khó chịu, thậm chí loại bỏ được vi khuẩn và vi rút. Phin lọc này có thể sử dụng được trong thời gian rất dài nếu thường xuyên bảo dưỡng định kỳ. Bộ lọc có sẵn ở model FTXD25/35D.

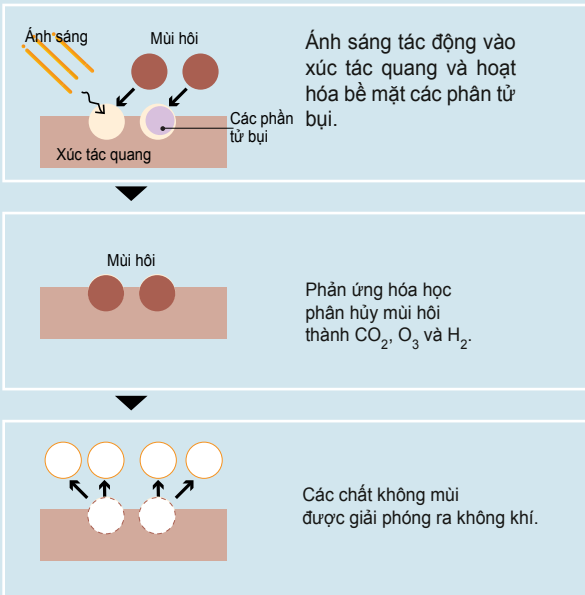


Thí nghiệm khử bỏ vi khuẩn:
Phương pháp thử nghiệm: nhỏ giọt.
Tổ chức thử nghiệm: Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản.
Giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm số 298081197-003

Thí nghiệm khử bỏ vi rút:
Phương pháp thử nghiệm: cọ rửa.
Tổ chức thử nghiệm: Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản.
Giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm số: 298081197-004

Cơ Chế Xúc Tác Quang

Phin lọc sạch không khí với Xúc Tác Quang Apatit titan là vật liệu mới có năng lực thẩm thấu mạnh và phát huy tác dụng dưới ánh sáng mặt trời.



Phin Lọc Sạch Không Khí

Phin lọc này có thể loại bỏ các tạp chất như bụi, phấn hoa và khói thuốc lá cũng như vi khuẩn và vi rút từ không khí. Phin lọc này có sẵn ở model FTXD25 / 35D



Thí nghiệm khử bỏ vi khuẩn:
Phương pháp thử nghiệm: nhỏ giọt.
Tổ chức thử nghiệm: Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản.
Giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm số 29805 1308-001

Thí nghiệm khử bỏ vi rút:
Phương pháp thử nghiệm: cọ rửa.
Tổ chức thử nghiệm: Phòng thí nghiệm nghiên cứu thực phẩm Nhật Bản.
Giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm số: 29805 1308-002

	Loại bộ lọc	Bảo dưỡng	Thay thế	Số lượng
FTXD25/35D	Phin lọc khử mùi xúc tác quang	Phơi dưới ánh nắng mặt trời trong vòng 6 giờ mỗi sáu tháng một lần.	Không cần	1 miếng
	Phin lọc sạch không khí	Không cần bảo dưỡng	3 tháng	1 miếng
Others	Phin lọc xúc tác quang apatit Titan	Chà rửa trong nước có pha chất làm sạch mỗi 6 tháng một lần	3 năm	2 miếng

Chống Nấm Mốc

Khi ngưng chức năng làm lạnh hoặc làm khô, máy sẽ tự động hoạt động ở chế độ chỉ chạy quạt trong 1 giờ để làm khô bên trong dàn lạnh nhằm làm giảm sự phát sinh nấm mốc và các mùi khó chịu

Chức năng này có sẵn ở model 2.5 và 3.5 kW



Kiểu Dáng Thanh Mảnh Và Phong Cách

Hòa Hợp Với Nội Thất

Daikin luôn tập trung phát triển dòng máy ĐHKK trang nhã và hiện đại, hòa hợp với bất kỳ nội thất nào. Ý tưởng này đã được đáp ứng qua kiểu dáng mới với mặt nạ phẳng.

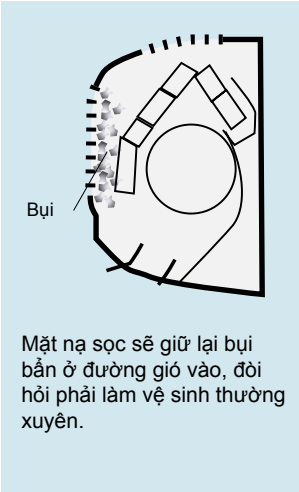


Mặt Nạ Phẳng Dễ Lau Chùi

Máy ĐHKK được lau chùi dễ dàng chỉ với động tác đơn giản trên bề mặt phẳng. Trong trường hợp cần làm vệ sinh kỹ bên trong, mặt nạ này cũng có thể tháo lắp dễ dàng.



Thiết Kế Thông Thường Với Mặt Nạ Sọc Phía Trước

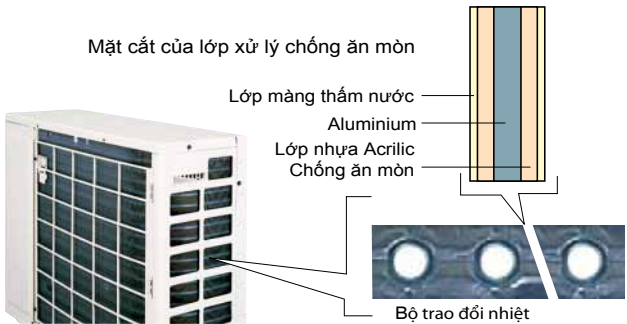


- 1. Khó loại bỏ bụi bẩn trên mặt nạ sọc nếu chỉ lau chùi.
- 2. Giảm năng suất lạnh do tăng lực cản ở đường gió hút
- 3. Độ ồn cao do tăng lực cản ở đường gió hút



Cánh Tản Nhiệt Dàn Nóng Được Xử Lý Chống Ăn Mòn

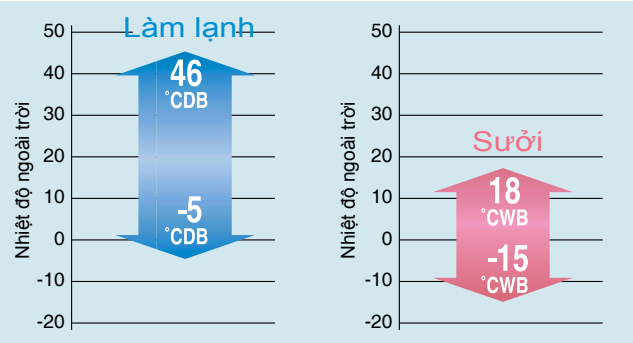
Dàn nóng Daikin có các cánh tản nhiệt được xử lý chống ăn mòn đặc biệt. Bề mặt được phủ lớp nhựa acrylic làm tăng cường khả năng chống lại mưa axit và hơi muối. Kể đến là lớp màng có khả năng thấm nước có tác dụng chống rỉ sét gây ra do nước đọng.



Dãy Hoạt Động Rộng

Đối với máy hai chiều, chế độ làm lạnh vẫn hoạt động khi nhiệt độ bên ngoài xuống đến 10°C. Chế độ sưởi hoạt động khi nhiệt độ bên ngoài -15 đến 18°C. Dây hoạt động rộng này phù hợp cho các khu vực có khí hậu rất lạnh

Máy 2 chiều FTXD50/60/71F



Lắp Đặt Linh Hoạt

Đường ống dài cho phép việc lắp đặt dễ dàng hơn. Ngay cả khi không có chỗ cho dàn nóng đặt gần dàn lạnh, vẫn đi đường ống xa được và bảo vệ vẻ mỹ quan cho ngôi nhà.

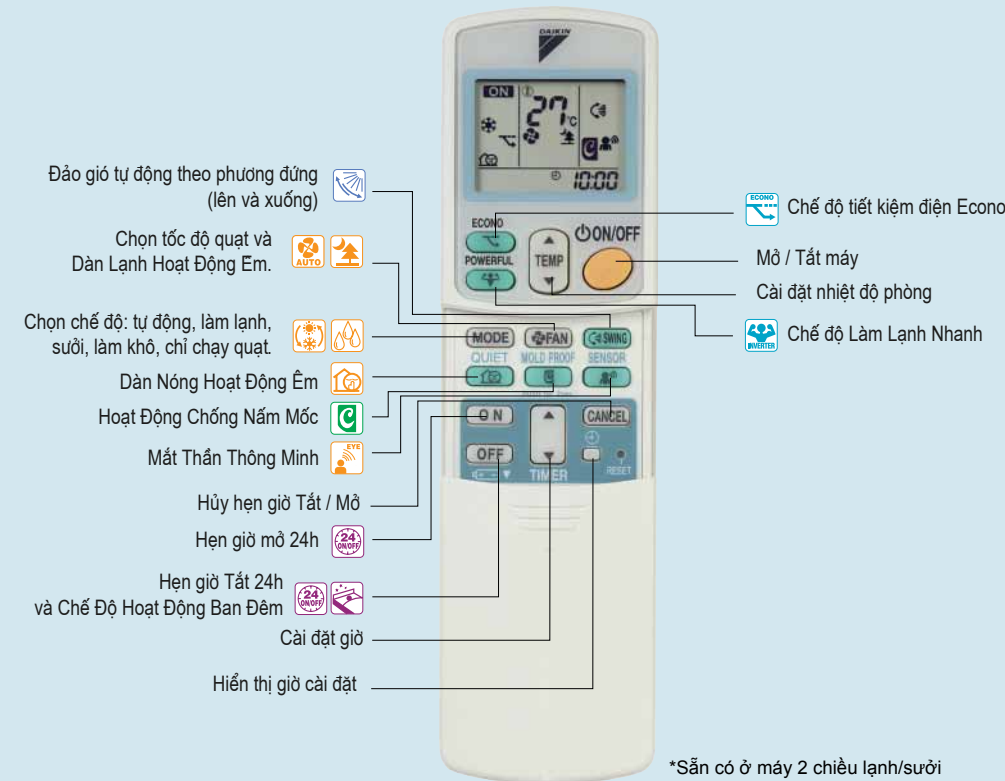
	Độ dài đường ống tối đa	Chênh lệch độ cao tối đa
FTKS25/35E FTXS25/35E FTXD25/35D	20 m	15 m
FTKD35/42G	25 m	
FTKS50/60/71F FTXS50/60/71F FTKD50/60/71G FTXD50/60/71F	30 m	20 m



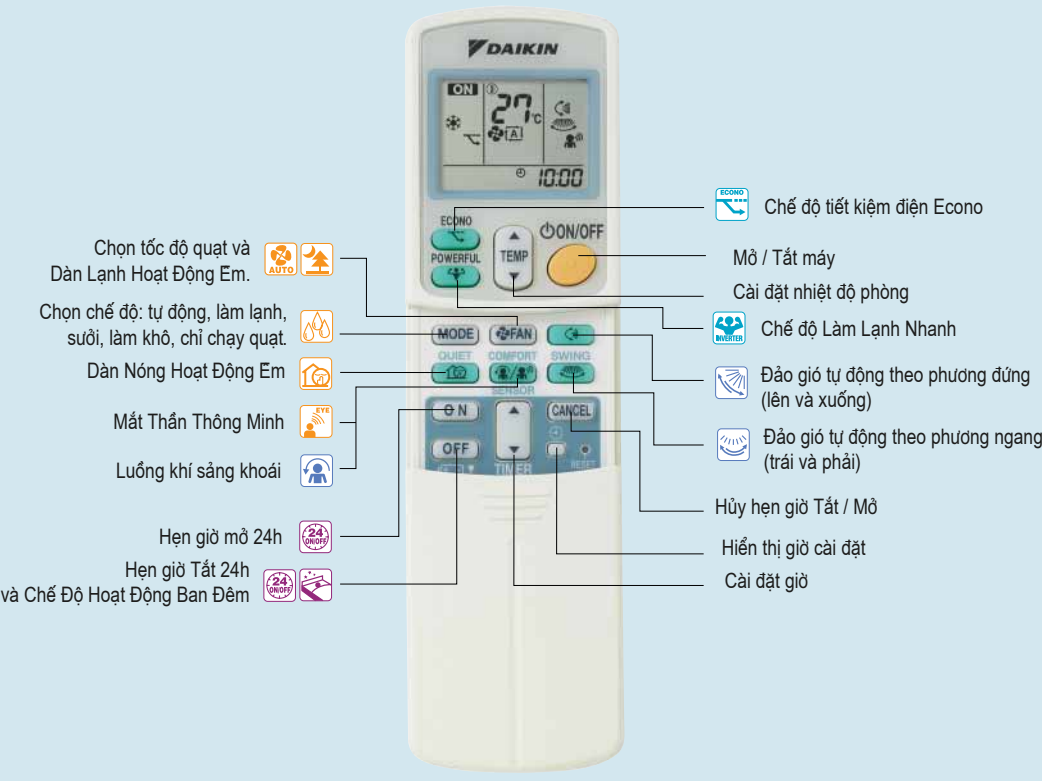
Đường ống cần được bọc và che chắn cẩn thận.

Điều Khiển Từ Xa

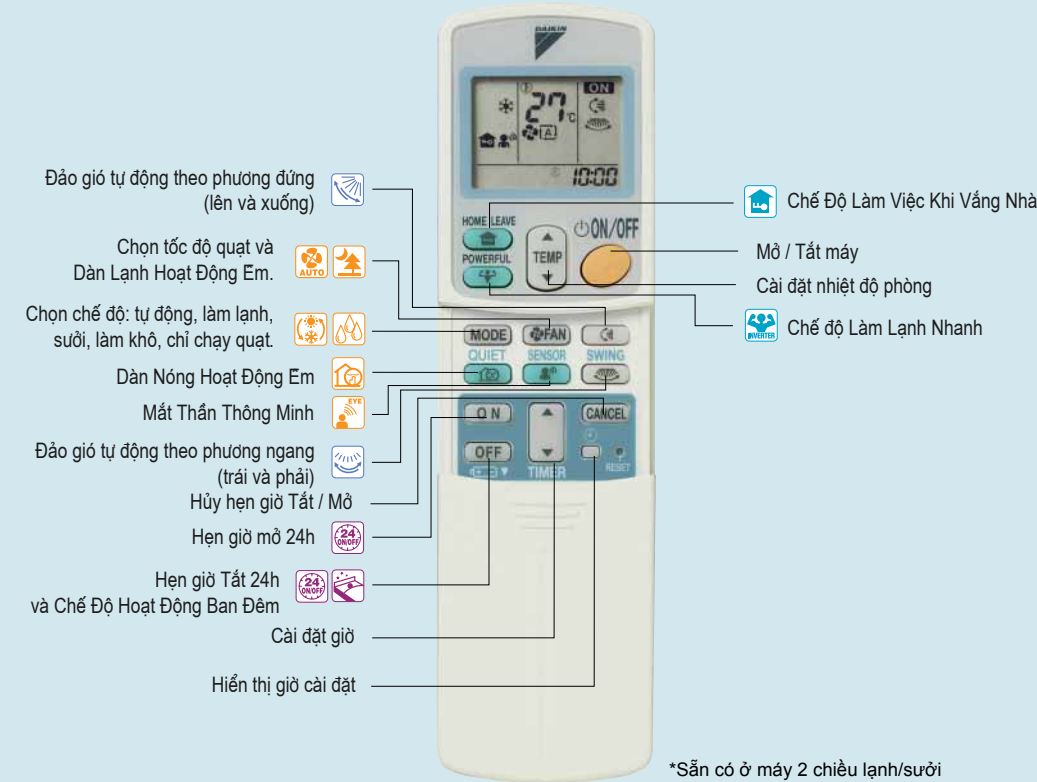
Bộ Điều Khiển Từ Xa Cho Máy FTKS25/35E, FTXS25/35E, FTKD25/35G và FTXD25/35D



Bộ Điều Khiển Từ Xa Cho Máy FTKD42/50/60/71G



Bộ Điều Khiển Từ Xa Cho Máy FTKS50/60/71F, FTXS50/60/71F và FTXD50/60/71F



Tóm Tắt Các Tính Năng

Luồng Khí Sảng Khoái



Đào Gió 2 Cánh Mạnh Mẽ

Chức năng Đào Gió 2 Cánh Mạnh Mẽ có thể dàn trải hơi lạnh đều khắp đến tận cùng các góc của căn phòng

► Xem trang 9



Cánh Hướng Dòng Rộng

Cánh Hướng Dòng Rộng với mặt cong phẳng phân bố luồng gió khắp căn phòng, cho hoạt động hiệu quả hơn.

► Xem trang 9



Đào Gió Tự Động Theo Phương Đứng (lên và xuống)

Chức năng này tự động di chuyển cánh đảo gió theo chiều lên và xuống để phân bố gió đều khắp căn phòng.

► Xem trang 9



Đào Gió Tự Động Theo Phương Ngang (trái và phải)

Chức năng này tự động di chuyển cánh hướng dòng sang trái và phải để hơi lạnh bao trùm cả không gian.

► Xem trang 9



Luồng Khí 3 Chiều

Chức năng này kết hợp cả Đào Chiều Tự Động theo phương Đứng và phương Ngang giúp luân chuyển hơi lạnh đến mọi nơi của căn phòng, ngay cả ở những không gian rộng lớn.

► Xem trang 9



Luồng khí sảng khoái

Chức năng này ngăn chặn luồng gió trực tiếp thổi người. Cánh đảo gió sẽ thay đổi hướng gió thổi, di chuyển đi lên trong quá trình làm mát và di chuyển đi xuống trong quá trình sưởi ấm

► Xem trang 9

Tiện Nghi Cho Cuộc Sống



Chế Độ ECONO

Chức năng này hạn chế tối đa dòng khởi động và điện năng tiêu thụ. Nó làm tăng hiệu suất hoạt động và còn ngăn ngừa CB quá tải.

► Xem trang 7



Làm Lạnh Nhanh

Chức năng Làm Lạnh Nhanh tăng lưu thông gió lên cực đại trong vòng 20 phút. Sau đó, máy quay trở về chế độ cài đặt ban đầu

► Xem trang 10



Chế Độ Làm Việc Khi Vắng Nhà

Chức năng hoạt động khi vắng nhà giúp cho căn phòng không trở nên quá nóng hay quá lạnh khi chúng ta ngủ hoặc ra khỏi nhà. Chọn bất kỳ nhiệt độ từ 18 đến 32°C cho chế độ làm lạnh và 10 đến 30°C cho chế độ sưởi.

► Xem trang 10



Nút Tắt/Mở Trên Dàn Lạnh

Có nút Tắt/Mở thứ hai trên dàn lạnh phòng khi mất bộ điều khiển hay bộ điều khiển hết pin.

► Xem trang 10

Vận Hành Ưu Việt



Dàn Lạnh Hoạt Động Êm

Độ ồn của dàn lạnh khi hoạt động giảm đến 3 dB (A) bằng cách chọn chế độ quạt từ bộ điều khiển.

► Xem trang 8



Dàn Nóng Hoạt Động Êm

Độ ồn của dàn nóng khi hoạt động giảm 3 đến 5 dB (A) so với chế độ thông thường bằng việc khởi động trên bộ điều khiển.

► Xem trang 8



Mắt Thần Thông Minh

Mắt Thần Thông Minh với cảm biến hồng ngoại tự động điều chỉnh hoạt động của máy điều hòa qua việc dò tìm chuyển động của người trong phòng. Khi không có chuyển động, nhiệt độ điều chỉnh khoảng ±2°C để tiết kiệm năng lượng.

► Xem trang 7



Hoạt Động Tự Động

Chức năng này tự động lựa chọn chế độ làm mát hoặc sưởi ấm dựa trên nhiệt độ phòng ngay lúc khởi động. Chức năng này sẵn có ở máy 2 chiều.



Chế Độ Làm Khô

Chức năng này tự động làm giảm độ ẩm trong phòng



Tốc Độ Quạt Tự Động

Bộ xử lý vi mạch tự động điều khiển tốc độ quạt để điều chỉnh nhiệt độ phòng đạt đến nhiệt độ cài đặt.

Hẹn Giờ



Hẹn Giờ Tắt/Mở 24h

Bộ hẹn giờ này có thể cài đặt trước để chạy hoặc dừng bất kỳ khi nào trong thời gian 24 giờ. Máy điều hòa được khởi động/tắt thật đơn giản với nút hẹn giờ Tắt/Mở trên bộ điều khiển từ xa.



Chế Độ Hoạt Động Vào Ban Đêm

Chức năng này sẽ làm nhiệt độ phòng tăng 0,5°C sau mỗi 60 phút, tránh hiện tượng lạnh quá về đêm, tạo giấc ngủ ngon hơn.

► Xem trang 10

Vệ Sinh



Phin Lọc Khử Mùi Xúc Tác Quang

Phin lọc có khả năng phân hủy mùi hôi, thậm chí loại bỏ được vi khuẩn và virus. Dễ dàng bảo dưỡng bằng cách phơi dưới ánh nắng mặt trời mỗi 6 tháng một lần.

► Xem trang 11



Phin Lọc Sạch Không Khí

Phin lọc này loại bỏ được các tạp chất như phấn hoa, bụi, vi khuẩn, virus và khói thuốc lá lẫn trong không khí.

► Xem trang 12



Phin Lọc Xúc Tác Quang Apatit Titan

Phin lọc có vật liệu mới là xúc tác quang titan. Trong khi phin lọc bẫy các phân tử bụi nhỏ, xúc tác quang sẽ thu hút và phân hủy vi khuẩn và vi rút, dọn sạch nấm mốc và mùi hôi. Phin lọc này có thể dùng đến 3 năm với qui trình bảo dưỡng thích hợp.

► Xem trang 11



Hoạt Động Chống Nấm Mốc

Chức năng này tự động chạy quạt trong khoảng 1 giờ khi đã ngừng chế độ làm lạnh hoặc làm khô. Việc này giúp ngăn ngừa nấm mốc và mùi hôi phát sinh ra bên trong dàn lạnh.

► Xem trang 12



Mặt Nạ Phẳng Dễ Lau Chùi

Các sản phẩm có thiết kế phẳng dễ dàng làm sạch bề mặt với chỉ một rẻ lau. Có thể tháo dễ dàng mặt nạ của máy để làm sạch triệt để hơn bên trong

► Xem trang 13

An Tâm



Tự Động Khởi Động Lại Sau Khi Mất Điện

Khi xảy ra tình trạng mất điện, máy sẽ ghi nhớ các chế độ, lưu lượng gió, nhiệt độ, ... đã cài đặt và tự động trở lại cài đặt trước đó khi nguồn điện phục hồi.



Tự Chẩn Đoán Lỗi Với Màn Hình Kỹ Thuật Số

Các mã lỗi được hiển thị trên màn hình kỹ thuật số của bộ điều khiển từ xa giúp việc chẩn đoán và sửa chữa được nhanh chóng và dễ dàng



Cánh Tản Nhiệt Dàn Nóng Được Xử Lý Chống Ăn Mòn

Cánh tản nhiệt của dàn nóng được xử lý đặc biệt để chống ăn mòn. Bề mặt được phủ lớp nhựa acrylic mỏng làm tăng khả năng chống lại axit và hơi muối biển.

► Xem trang 14

Ưu Điểm Khác

Vận Hành Ưu Việt

Chức Năng Sưởi Ấm Nhanh*

Khi nhiệt độ bên ngoài xuống thấp chức năng này làm nóng máy nén để rút ngắn thời gian cần thiết sưởi ấm không khí

Tự Động Xả Đá*

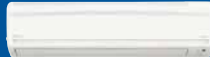
Trước khi khởi động chức năng sưởi, cảm biến sẽ kiểm tra độ bám tuyết ở dàn nóng và tự động xả đá (nếu cần) để chỉ có khí ấm thoát ra.

Khởi Động Nóng*

Sau khi xả đá hoặc khi khởi động chức năng sưởi, không khí được làm nóng trước khi ra ngoài để tránh hiện tượng gió lạnh bất ngờ

* Sẵn có ở máy 2 chiều

Bảng Chức Năng

Dàn lạnh		Mã hiệu	R-410A Máy một chiều lạnh FTKS		R-410A Máy hai chiều FTXS		R-22 Máy một chiều lạnh FTKD		R-22 Máy hai chiều FTXD	
										
Chức năng			FTKS25/35E	FTKS50/60/71F	FTXS25/35E	FTXS50/60/71F	FTKD25/35G	FTKD42/50/60/71G	FTXD25/35D	FTXD50/60/71F
 Biến tần DC										
Luồng Khí Sảng Khoái	 Đáo Gió 2 Cánh Mạnh Mẽ									
	 Cánh Hướng Dòng Rộng									
	 Đáo Gió Tự Động Theo Phương Đứng <i>(lên và xuống)</i>									
	 Đáo Gió Tự Động Theo Phương Ngang <i>(trái và phải)</i>									
	 Luồng Khí 3 Chiều									
	 Luồng Khí Sảng Khoái									
Vận Hành Ưu Việt	 Dàn Lạnh Hoạt Động Êm									
	 Mắt Thần Thông Minh									
	 Hoạt Động Tự Động									
	 Chế Độ Làm Khô									
	 Tốc Độ Quạt Tự Động									
Tiện Nghi	 Chế Độ ECONO									
	 Làm Lạnh Nhanh									
	 Chế Độ Làm Việc Khi Vắng Nhà									
	 Nút Tắt/Mở Trên Dàn Lạnh									
Vệ Sinh	 Phin Lọc Khử Mùi Xúc Tác Quang									
	 Phin Lọc Không Khí									
	 Phin Lọc Xúc Tác Quang Apatit Titan									
	 Hoạt Động Chống Nấm Mốc									
	 Mặt Nạ Phẳng Dễ Lau Chùi									
Hẹn Giờ	 Hẹn Giờ Tắt/Mở 24h									
	 Chế Độ Hoạt Động Vào Ban Đêm									
An Tâm	 Tự Động Khởi Động Lại Sau Khi Mất Điện									
	 Tự Chẩn Đoán Lỗi Với Màn Hình Kỹ Thuật Số									

Dàn nóng		Mã hiệu	RKS25/35EB	RKS50/60/71F	RXS25/35EB	RXS50/60/71F	RKD25/35G	RKD42/50/60/71G	RXD25/35D	RXD50/60/71B
Chức năng										
Vận hành ưu việt	 Dàn Nóng Hoạt Động Êm									
An tâm	 Cảnh Tần Nhiệt Dàn Nóng Được Xử Lý Chống Ẩn Mòn									

FTKS25/35E

Tên Model	Dàn lạnh		FTKS25EVMV		FTKS35EVMV	
	Dàn nóng		RKS25EBVMV		RKS35EBVMV	
Công suất	Danh định (tối thiểu - tối đa)	kW	2.5 (1.2-3.0)		3.5 (1.2-3.8)	
		Btu/h	8,500 (4,100-10,200)		11,900 (4,100-12,950)	
Điện nguồn			1 pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz			
Cường độ dòng điện	Danh định	A	3.5		4.9	
Công suất điện tiêu thụ	Danh định (tối thiểu - tối đa)	W	600 (300-800)		1,020 (300-1,200)	
Hệ số COP	Danh định	W/W	4.17		3.43	
Dàn lạnh			FTKS25EVMV		FTKS35EVMV	
Màu mặt nạ			Trắng			
Lưu lượng gió (cao)		m³/min (cfm)	8.7 (307)		8.9 (314)	
Tốc độ quạt			5 bậc yên tĩnh và tự động			
Độ ồn (cao / thấp / cực thấp)		dB (A)	37/25/22		38/26/23	
Kích thước (cao x rộng x dày)		mm	283 x 800 x 195			
Trọng lượng máy		kg	9			
Dàn nóng			RKS25EBVMV		RKS35EBVMV	
Màu vỏ máy			Trắng ngà			
Máy nén	Kiểu		Swing dạng kín			
	Công suất mô-tơ	W	600			
Môi chất nạp (R-410A)		kg	1.0			
Độ ồn (cao / thấp)		dB (A)	46/43		47/44	
Kích thước (cao x rộng x dày)		mm	550 x 765 x 285			
Trọng lượng máy		kg	34			
Dây hoạt động		°CDB	10 đến 46			
Kích cỡ đường ống	Lồng	mm	ø6.4			
	Hơi		ø9.5			
	Nước xả		ø18.0			
Chiều dài đường ống tối đa		m	20			
Độ chênh chiều cao tối đa			15			

Ghi chú: Các giá trị trên ứng với điều kiện hoạt động ở điện áp 220V, 50Hz

FTKS50/60/71F

Tên Model	Dàn lạnh		FTKS50FVMV	FTKS60FVMV	FTKS71FVMV
	Dàn nóng		RKS50FVMV	RKS60FVMV	RKS71FVMV
Công suất	Danh định (tối thiểu - tối đa)	kW	5.0 (1.7-6.0)	6.0 (1.7-6.7)	7.1 (2.3-8.5)
		Btu/h	17,100 (5,800-20,500)	20,500 (5,800-22,900)	24,200 (7,800-29,000)
Điện nguồn	1 pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz				
Cường độ dòng điện	Danh định	A	7.2	9.2	10.8
Công suất điện tiêu thụ	Danh định (tối thiểu - tối đa)	W	1,550 (440-2,080)	1,980 (440-2,390)	2,360 (570-3,200)
Hệ số COP	Danh định	W/W	3.23	3.03	3.01
Dàn lạnh			FTKS50FVMV	FTKS60FVMV	FTKS71FVMV
Màu mặt nạ			Trắng		
Lưu lượng gió (cao)		m³/min (cfm)	14.7 (519)	16.2 (572)	17.4 (614)
Tốc độ quạt			5 bậc, yên tĩnh và tự động		
Độ ồn (cao / thấp / cực thấp)		dB (A)	44/35/32	45/36/33	46/37/34
Kích thước (cao x rộng x dày)		mm	290 x 1,050 x 238		
Trọng lượng máy		kg	12		
Dàn nóng			RKS50FVMV	RKS60FVMV	RKS71FVMV
Màu vỏ máy			Trắng ngà		
Máy nén	Kiểu		Swing dạng kín		
	Công suất mô-tơ	W	1,100		1,920
Môi chất nạp (R-410A)		kg	1.50		2.30
Độ ồn (cao / thấp)		dB (A)	47/44	49/46	52/49
Kích thước (cao x rộng x dày)		mm	735 x 825 x 300		
Trọng lượng máy		kg	47		71
Dây hoạt động		°CDB	10 đến 46		
Kích cỡ đường ống	Lồng	mm	Ø6.4		
	Hơi		Ø12.7		
	Nước xả		Ø18.0		
Chiều dài đường ống tối đa		m	30		
Độ chênh chiều cao tối đa			20		

Ghi chú: Các giá trị trên ứng với điều kiện hoạt động ở điện áp 220V, 50Hz

Điều kiện thử nghiệm:	
1. Công suất lạnh ứng với: nhiệt độ trong phòng 27° CDB, 19° CWB; nhiệt độ ngoài trời 35° CDB; chiều dài đường ống tương 7,5m.	
2. Độ ồn dựa trên điều kiện nhiệt độ như 1. ở trên. Đây là giá trị quy đổi trong điều kiện không dội âm. trong hoạt động thực tế có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh	

FTXS25/35E

Tên Model	Dàn lạnh			FTXS25EVMV	FTXS35EVMV
Công suất	Dàn nóng			RXS25EBVMV	RXS35EBVMV
	Lạnh	Danh định	kW	2.5 (1.2-3.0)	3.5 (1.2-3.8)
		(tối thiểu - tối đa)	Btu/h	8,500 (4,100-10,200)	11,900 (4,100-12,950)
	Sưởi	Danh định	kW	3.4 (1.2-4.5)	4.0 (1.2-5.0)
(tối thiểu - tối đa)		Btu/h	11,600 (4,100-15,350)	13,600 (4,100-17,050)	
Điện nguồn				1 pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz	
Cường độ dòng điện	Lạnh	Danh định	A	3.5	4.9
	Sưởi			4.3	5.1
Công suất điện tiêu thụ	Lạnh	Danh định	W	600 (300-800)	1,020 (300-1,200)
	Sưởi	(tối thiểu - tối đa)		830 (290-1,340)	1,080 (290-1,550)
Hệ số COP	Lạnh	Danh định	W/W	4.17	3.43
	Sưởi			4.10	3.70
Dàn lạnh				FTXS25EVMV	FTXS35EVMV
Màu mặt nạ				Trắng	
Lưu lượng gió (cao)	Lạnh	m ³ /min		8.7 (307)	8.9 (314)
	Sưởi	(cfm)		9.4 (332)	9.7 (342)
Tốc độ quạt				5 bậc yên tĩnh và tự động	
Độ ồn (cao / thấp / cực thấp)	Lạnh	dB (A)		37/25/22	38/26/23
	Sưởi			37/28/25	38/29/26
Kích thước (cao x rộng x dày)			mm	283 x 800 x 195	
Trọng lượng máy			kg	9	
Dàn nóng				RXS25EBVMV	RXS35EBVMV
Màu vỏ máy				Trắng ngà	
Máy nén	Kiểu			Swing dạng kín	
	Công suất mô-tơ			W	
Môi chất nạp (R-410A)			kg	600	
				1.00	
Độ ồn (cao / thấp)	Lạnh	dB (A)		46/43	47/44
	Sưởi			47/44	48/45
Kích thước (cao x rộng x dày)			mm	550 x 765 x 285	
Trọng lượng máy			kg	34	
Dây hoạt động	Lạnh	°CDB		10 đến 46	
	Sưởi	°CWB		−15 đến 20	
Kích cỡ đường ống	Lồng	mm		ø6.4	
	Hơi		ø9.5		
	Nước xả		ø18.0		
Chiều dài đường ống tối đa			m	20	
Độ chênh chiều cao tối đa				15	

Ghi chú: Các giá trị trên ứng với điều kiện hoạt động ở điện áp 220V, 50Hz

FTXS50/60/71F

Tên Model	Dàn lạnh			FTXS50FVMV	FTXS60FVMV	FTXS71FVMV
Công suất	Dàn nóng			RXS50FVMV	RXS60FVMV	RXS71FVMV
	Lạnh	Danh định	kW	5.0 (1.7-6.0)	6.0 (1.7-6.7)	7.1 (2.3-8.5)
		(tối thiểu - tối đa)	Btu/h	17,100 (5,800-20,500)	20,500 (5,800-22,900)	24,200 (7,800-29,000)
	Sưởi	Danh định	kW	5.8 (1.7-7.7)	7.0 (1.7-8.0)	8.2 (2.3-10.0)
(tối thiểu - tối đa)		Btu/h	19,800 (5,800-26,300)	23,900 (5,800-27,300)	28,000 (7,900-34,100)	
Điện nguồn				1 pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz		
Cường độ dòng điện	Lạnh	Danh định	A	7.2	9.2	10.8
	Sưởi			7.4	9.4	11.6
Công suất điện tiêu thụ	Lạnh	Danh định	W	1,550 (440a-2,080)	1,980 (440-2,390)	2,360 (570-3,200)
	Sưởi	(tối thiểu - tối đa)		1,600 (400-2,530)	2,040 (400-2,810)	2,520 (520-3,730)
Hệ số COP	Lạnh	Danh định	W/W	3.23	3.03	3.01
	Sưởi			3.63	3.43	3.25
Dàn lạnh				FTXS50FVMV	FTXS60FVMV	FTXS71FVMV
Màu mặt nạ				Trắng		
Lưu lượng gió (cao)	Lạnh	m ³ /min	14.7 (519)	16.2 (572)	17.4 (614)	
	Sưởi	(cfm)	16.2 (572)	17.4 (614)	21.5 (759)	
Tốc độ quạt				5 bậc yên tĩnh và tự động		
Độ ồn (cao / thấp / cực thấp)	Lạnh	dB (A)	44/35/32	45/36/33	46/37/34	
	Sưởi		42/33/30	44/35/32	46/37/34	
Kích thước (cao x rộng x dày)			mm	290 x 1,050 x 238		
Trọng lượng máy			kg	12		
Dàn nóng				RXS50FVMV	RXS60FVMV	RXS71FVMV
Màu vỏ máy				Trắng ngà		
Máy nén	Kiểu			Swing dạng kín		
	Công suất mô-tơ		W	1,100		1,920
Môi chất nạp (R-410A)			kg	1.50		2.30
Độ ồn (cao / thấp)	Lạnh	dB (A)	47/44	49/46	52/49	
	Sưởi		48/45	49/46	52/49	
Kích thước (cao x rộng x dày)			mm	735 x 825 x 300		770 x 900 x 320
Trọng lượng máy			kg	48		71
Dây hoạt động	Lạnh	°CDB	10 đến 46			
	Sưởi	°CWB	−15 đến 18			
Kích cỡ đường ống	Lồng	mm	Ø 6.4			
	Hơi		Ø12.7		Ø15.9	
	Nước xả		Ø18.0			
Chiều dài đường ống tối đa			m	30		
Độ chênh chiều cao tối đa			m	20		

Ghi chú: Các giá trị trên ứng với điều kiện hoạt động ở điện áp 220V, 50Hz

Điều kiện đo:	
1. Công suất lạnh ứng với: nhiệt độ trong phòng 27° CDB, 19° CWB; nhiệt độ ngoài trời 35° CDB; chiều dài đường ống tương 7.5m.	
2. Công suất sưởi ứng với: nhiệt độ trong phòng 20° CDB; nhiệt độ ngoài trời 7° CDB; 6° CWB; chiều dài đường ống tương đương 7,5m.	
3. Độ ồn dựa trên điều kiện nhiệt độ như 1. và 2. trên. Đây là giá trị qui đổi trong điều kiện không dội âm. Trong quá trình hoạt động thực tế có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh.	

FTKD25/35G

Tên Model	Dàn lạnh		FTKD25GVMV		FTKD35GVMV	
	Dàn nóng		RKD25aGVMV		RKD35GVMV	
Công suất	Danh định	kW	2.5 (1.2-3.2)		3.2 (1.4-4.0)	
	(tối thiểu - tối đa)	Btu/h	8,500 (4,050-10,900)		10,900 (4,750-13,650)	
Điện nguồn			1 pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz			
Cường độ dòng điện	Danh định	A	3.9		4.2	
Công suất điện tiêu thụ	Danh định (tối thiểu - tối đa)	W	685 (294-1,100)		888 (301-1,429)	
Hệ số COP	Danh định	W/W	3.65		3.60	
Dàn lạnh			FTKD25GVMV		FTKD35GVMV	
Màu mặt nạ			Trắng			
Lưu lượng gió (cao)		m³/min (cfm)	8.9 (314)		9.0 (318)	
Tốc độ quạt			5 bậc yên tĩnh và tự động			
Độ ồn (cao / thấp / cực thấp)		dB (A)	37/28/25		39/29/26	
Kích thước (cao x rộng x dày)		mm	283 x 800 x 195			
Trọng lượng máy		kg	9			
Dàn nóng			RKD25GVMV		RKD35GVMV	
Màu vỏ máy			Trắng ngà			
Máy nén	Kiểu		Swing dạng kín			
	Công suất mô-tơ	W	600			
Môi chất nạp (R-22)		kg	0.75		0.90	
Độ ồn (cao / thấp)		dB (A)	46/43		47/44	
Kích thước (cao x rộng x dày)		mm	550 x 765 x 285			
Trọng lượng máy		kg	32		34	
Dây hoạt động		°CDB	19.4 đến 46			
Kích cỡ đường ống	Lồng	mm	ø6.4			
	Hơi		ø9.5			
	Nước xả		ø18.0			
Chiều dài đường ống tối đa		m	25			
Độ chênh chiều cao tối đa			15			

FTKD42/50/60/71G

Tên Model	Dàn lạnh		FTKD42GVMV	FTKD50GVMV	FTKD60GVMV	FTKD71GVMV
	Dàn nóng		RKD42GVMV	RKD50GVMV	RKD60GVMV	RKD71GVMV
Công suất	Danh định (tối thiểu - tối đa)	kW Btu/h	4.2 (2.0-5.0) 14,300 (6,800-17,100)	5.2 (1.5-5.9) 17,700 (5,100-20,100)	6.2 (1.5-6.5) 21,200 (5,100-22,200)	7.1 (2.1-7.6) 24,200 (7,200-25,900)
Điện nguồn			1 pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz			
Cường độ dòng điện	Danh định	A	5.4	7.3	9.2	11.5
Công suất điện tiêu thụ	Danh định (tối thiểu - tối đa)	W	1,167 (520-1,600)	1,575 (420-2,300)	2,000 (440-2,600)	2,491 (540-3,176)
Hệ số COP	Danh định	W/W	3.60	3.30	3.10	2.85
Dàn lạnh			FTKD42GVMV	FTKD50GVMV	FTKD60GVMV	FTKD71GVMV
Màu mặt nạ			Trắng			
Lưu lượng gió (cao)		m³/min (cfm)	15.3 (540)	17.5 (618)	18.3 (646)	
Tốc độ quạt			5 bậc yên tĩnh và tự động			
Độ ồn (cao / thấp / cực thấp)		dB (A)	42/36/33	44/35/32	45/36/33	46/37/34
Kích thước (cao x rộng x dày)		mm	290 x 1,050 x 250			
Trọng lượng máy		kg	12			
Dàn nóng			RKD42GVMV	RKD50GVMV	RKD60GVMV	RKD71GVMV
Màu vỏ máy			Trắng ngà			
Máy nén	Kiểu		Swing dạng kín			
	Công suất mô-tơ		600	1,500	1,900	
Môi chất nạp (R-22)		kg	1.10	1.00	1.50	1.60
Độ ồn (cao / thấp)		dB (A)	49/44	49/44	50/46	53/49
Kích thước (cao x rộng x dày)		mm	550 x 765 x 285			
Trọng lượng máy		kg	35	43	47	53
Dây hoạt động		°CDB	19.4 đến 46			
Kích cỡ đường ống	Lồng	mm	ø 6.4			ø9.5
	Hơi		ø 12.7		ø15.9	
	Nước xả		ø18.0			
Chiều dài đường ống tối đa		m	25	30		
Độ chênh chiều cao tối đa			15	20		

Ghi chú: Các giá trị trên ứng với điều kiện hoạt động ở điện áp 220V, 50Hz

Điều kiện thử nghiệm:	
1. Công suất lạnh ứng với: nhiệt độ trong phòng 27° CDB, 19° CWB; nhiệt độ ngoài trời 35° CDB; chiều dài đường ống tương 7,5m.	
2. Độ ồn dựa trên điều kiện nhiệt độ như 1. ở trên. Đây là giá trị quy đổi trong điều kiện không dội âm. trong hoạt động thực tế có thể cao hơn do ảnh hưởng của điều kiện xung quanh	

FTXD25/35D

Tên Model	Dàn lạnh			FTXD25DVMV		FTXD35DVMV	
Công suất	Dàn nóng			RXD25DVMV		RXD35DVMV	
	Lạnh	Danh định (tối thiểu - tối đa)	kW	2.5 (1.3-3.0)		3.5 (1.4-3.8)	
				Btu/h	8,500 (4,400-10,200)		11,900 (4,750-12,950)
	Sưởi	Danh định (tối thiểu - tối đa)	kW	3.4 (1.3-4.0)		4.2 (1.4-5.0)	
			Btu/h	11,600 (4,400-13,650)		14,300 (4,750-17,050)	
Điện nguồn				1 pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz			
Cường độ dòng điện	Lạnh	Danh định	A	4.2		5.4	
	Sưởi			5.1		6.2	
Công suất điện tiêu thụ	Lạnh	Danh định (tối thiểu - tối đa)	W	725 (310-1,030)		1,130 (305-1,370)	
	Sưởi			1,000 (310-1,220)		1,310 (330-1,580)	
Hệ số COP	Lạnh	Danh định	W/W	3.45		3.10	
	Sưởi			3.40		3.21	
Dàn lạnh				FTXD25DVMV		FTXD35DVMV	
Màu mặt nạ				Trắng			
Lưu lượng gió (cao)	Lạnh	m ³ /min		8.9 (314)		9.0 (318)	
	Sưởi	(cfm)		9.4 (332)		9.7 (342)	
Tốc độ quạt				5 bậc yên tĩnh và tự động			
Độ ồn (cao / thấp / cực thấp)	Lạnh	dB (A)		37/28/25		38/29/26	
	Sưởi			37/28/25		38/29/26	
Kích thước (cao x rộng x dày)			mm	283 x 800 x 195			
Trọng lượng máy			kg	9			
Dàn nóng				RXD25DVMV		RXD35DVMV	
Màu vỏ máy				Trắng ngà			
Máy nén	Kiểu			Swing dạng kín			
	Công suất mô-tơ		W	600			
Môi chất nạp (R-410A)			kg	0.90		1.20	
Độ ồn (cao / thấp)	Lạnh	dB (A)		46/43		47/44	
	Sưởi			47/44		48/45	
Kích thước (cao x rộng x dày)			mm	550 x 765 x 285			
Trọng lượng máy			kg	31		33	
Dây hoạt động	Lạnh	°CDB		10 đến 46			
	Sưởi	°CWB		− 10 đến 20			
Kích cỡ đường ống	Lồng	mm		ø 6.4			
	Hơi		ø 9.5		ø 12.7		
	Nước xả		ø18.0				
Chiều dài đường ống tối đa			m	20			
Độ chênh chiều cao tối đa				15			

Ghi chú: Các giá trị trên ứng với điều kiện hoạt động ở điện áp 220V, 50Hz

FTXD50/60/71F

Tên Model	Dàn lạnh			FTXD50FVMV	FTXD60FVMV	FTXD71FVMV
	Dàn nóng			RXD50BVMV	RXD60BVMV	RXD71BVMV
Công suất	Lạnh	Danh định (tối thiểu - tối đa)	kW	5.2 (1.5-5.9)	6.2 (2.2-7.6)	7.1 (2.9-8.0)
		Btu/h	17,700 (5,100-20,100)	21,200 (7,500-25,900)	24,200 (9,900-27,300)	
	Sưởi	Danh định (tối thiểu - tối đa)	kW	6.5 (1.5-8.0)	7.2 (2.2-9.0)	8.5 (2.9-9.7)
Btu/h			22,200 (5,100-27,300)	24,600 (7,500-30,700)	29,000 (9,900-33,100)	
Điện nguồn				1 pha, 220-240 V/220-230 V, 50/60 Hz		
Cường độ dòng điện	Lạnh	Danh định	A	7.4	9.6	11.9
	Sưởi			8.5	9.7	11.8
Công suất điện tiêu thụ	Lạnh	Danh định (tối thiểu - tối đa)	W	1,600 (450-2,300)	2,100 (630-3,210)	2,600 (720-3,350)
	Sưởi			1,840 (410-2,800)	2,120 (570-3,230)	2,580 (660-3,490)
Hệ số COP	Lạnh	Danh định	W/W	3.25	2.95	2.73
	Sưởi			3.53	3.40	3.29
Dàn lạnh				FTXD50FVMV	FTXD60FVMV	FTXD71FVMV
Màu mặt nạ				Trắng		
Lưu lượng gió (cao)	Lạnh	m ³ /min		16.8 (593)	17.5 (618)	18.3 (646)
	Sưởi	(cfm)		17.5 (618)	18.7 (660)	19.8 (699)
Tốc độ quạt				5 bậc yên tĩnh và tự động		
Độ ồn (cao / thấp / cực thấp)	Lạnh	dB (A)		44/35/32	45/36/33	46/37/34
	Sưởi			42/33/30	44/35/32	46/37/34
Kích thước (cao x rộng x dày)			mm	290 x 1,050 x 238		
Trọng lượng máy			kg	12		
Dàn nóng				RXD50BVMV	RXD60BVMV	RXD71BVMV
Màu vỏ máy				Trắng ngà		
Máy nén	Kiểu			Swing dạng kín		
	Công suất mô-tơ		W	1,500		1,900
Môi chất nạp (R-410A)			kg	1.25	1.80	
Độ ồn (cao / thấp)	Lạnh	dB (A)		47/44	49/46	52/49
	Sưởi			48/45	49/46	52/49
Kích thước (cao x rộng x dày)			mm	735 x 825 x 300		
Trọng lượng máy			kg	49	55	57
Dây hoạt động	Lạnh	°CDB	-5 đến 46			
	Sưởi	°CWB	-15 đến 18			
Kích cỡ đường ống	Lồng	mm	ø 6.4		ø 9.5	
	Hơi		ø 12.7		ø 15.9	
	Nước xả			ø 18.0		
Chiều dài đường ống tối đa			m	30		
Độ chênh chiều cao tối đa				20		

Dàn lạnh

STT	Hạng mục	FTK(X)S25/35E	FTK(X)S50/60/71F	FTKD-G	FTXD25/35D	FTXD50/60/71F
1	Bộ điều khiển trung tâm 5 phòng	*1	KRC72			
2	Bộ chuyển đổi dùng cho bộ hẹn giờ / điều khiển từ xa (Tiếp điểm xung thường mở/Tiếp điểm thường mở)	*2	KRP413AB1S			
3	Phin lọc xúc tác quang không khung	*3	-			KAZ970A42
4	Phin lọc sạch không khung	*4	-			KAF970A42
5	Phin lọc sạch có chức năng khử mùi xúc tác quang	*5	KAF970A46	KAF952B42	KAF970A46	-
6	Đế giữ bộ điều khiển từ xa với dây treo	KKF917A4				

Chú ý: *1 Bộ chuyển đổi (KRP413A1S) cần có cho mỗi dàn lạnh.
*2 Bộ hẹn giờ và những thiết bị khác được cung cấp tại nơi lắp đặt
*3 Phin lọc xúc tác quang khử mùi là phụ kiện tiêu chuẩn. Có thể tái sử dụng nếu phơi ngoài nắng 6 tháng 1 lần.
*4 Phin lọc sạch là phụ kiện tiêu chuẩn. Nên thay thế sau mỗi 3 năm.
* 5 Phin lọc là phụ kiện tiêu chuẩn. Nên thay thế sau mỗi 3 năm



Bộ điều khiển trung tâm 5 phòng KRC72



Phin lọc tinh xúc tác quang với Titanium KAF970A46



Đế giữ bộ điều khiển từ xa với dây treo KKF917A4

Dàn nóng

STT	Hạng mục	RK(X)S25/35EB	RK(X)S50/60F	RK(X)S71F	RKD25/35/42G	RXD25/35D	RKD50/60/71G	RXD50/60/71B
1	Lưới điều chỉnh hướng gió	KPW937A4	KPW945A4		KPW937A4		KPW945A4	
2	Đầu nối ống nước xả	KKP937A4 *		KKP945A4	KKP937A4 *			

Chú ý: *1 Một bộ gồm 5 cái cho mỗi máy



Lưới điều chỉnh hướng gió KPW937A4



Đầu nối ống nước xả KKP937A4



Đầu nối ống xả KKP945A4

Hệ thống điều khiển

No.	Hạng mục	FTK(X)S-E/F, FTKD-G và FTXD-D/F
1	Bộ điều khiển trung tâm	*1
2	Bộ điều khiển tắt / mở đồng thời	*1
3	Bộ cài đặt thời gian	*1
4	Bộ điều hợp dùng cho giao tiếp DIIENET	

Ghi chú: *1. Bộ điều hợp DIII-NET (KRP928BB2S) cần cho mỗi dàn lạnh



Bộ điều khiển trung tâm DCS302CA61



Bộ điều khiển tắt / mở đồng thời DCS301BA61



Bộ cài đặt thời gian hoạt động DST301BA61